ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ LỘC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 940/TTr-UBND	*Phú Lộc, ngày 15 tháng 12 năm 2025*

TỜ TRÌNH
Về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của xã Phú Lộc

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Phú Lộc

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính Phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 270/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Cần Thơ về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc trình Hội đồng nhân dân xã Phú Lộc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 với nội dung như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo chỉ tiêu giao 20.230.000.000 đồng, bao gồm:

1. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 9.250.000.000 đồng.
2. Thuế thu nhập cá nhân: 2.500.000.000 đồng.
3. Lệ phí trước bạ: 5.100.000.000 đồng.
4. Thu phí lệ phí: 600.000.000 đồng.
5. Thu tiền cho thuê đất: 480.000.000 đồng.
6. Thu tiền sử dụng đất: 2.000.000.000 đồng.
7. Thu khác ngân sách: 300.000.000 đồng.

II. Tổng thu ngân sách xã: **240.304.000.000 đồng.**

1. Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp 10.290.000.000 đồng, bao gồm:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 2.250.000.000 đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.500.000.000 đồng.
- Lệ phí trước bạ: 5.100.000.000 đồng.
- Thu phí lệ phí: 290.000.000 đồng.
- Thu khác ngân sách: 150.000.000 đồng.

2. Thu bổ sung cân đối ngân sách: 177.632.000.000 đồng.

3. Thu bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành: 42.880.000.000 đồng.

4. Thu bổ sung theo mục tiêu: 9.502.000.000 đồng.

III. Tổng chi ngân sách xã: **240.304.000.000 đồng.**

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 34.148.000.000 đồng.
2. Chi thường xuyên: 192.128.000.000 đồng.
3. Dự phòng ngân sách: 4.526.000.000 đồng.
4. Chi bổ sung theo mục tiêu: 9.502.000.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 1,2,3 đính kèm)

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân xã Phú Lộc khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- TT. UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Ủy viên UBND xã;
- Lưu VT, NVQ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Ngàn

PHỤ LỤC 1
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 9410 /TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-1	5=3/1*100
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**27.501**	**236.519**	**240.304**	**212.803**	**873,80**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**2.494**	**2.603**	**10.290**	**7.796**	**412,59**
1	Thu NSĐP hưởng 100%	660	769	440	-220	66,67
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.834	1.834	9.850	8.016	537,08
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**25.007**	**229.211**	**230.014**	**205.007**	**919,80**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	25.007	25.007	177.632	152.625	710,33
2	Thu bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương			42.880	42.880	
3	Thu bổ sung có mục tiêu		204.204	9.502	9.502	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**					
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		2.641			
V	**Thu kết dư**		974			
VI	**Thu khác**		1.090			
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**27.501**	**231.166**	**240.304**	212.803	873,80
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**27.501**	**147.163**	**230.802**	203.301	839,25
1	Chi đầu tư phát triển (1)			34.148	34.148	
2	Chi thường xuyên	26.962	147.163	192.128	165.166	712,59
3	Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng ngân sách	539		4.526	3.987	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**		**84.003**	**9.502**	9.502	
1	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG)**					
2	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**		**84.003**	**9.502**	9.502	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**					
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP**					
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp thành phố, cân đối ngân sách					
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

PHỤ LỤC 2

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 5140/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	**7.926**	**3.694**	**20.230**	**10.290**	**2,55**	**2,79**
I	**Thu nội địa**	**7.926**	**3.694**	**20.230**	**10.290**	**2,55**	**2,79**
1	**Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý**						
2	**Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý**						
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**						
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**	**2.350**	**1.834**	**9.250**	**2.250**	**3,94**	**1,23**
-	Thuế giá trị gia tăng	2.350	1.834	7.100	2.100	**3,02**	**1,15**
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			2.150	150		
5	**Thuế thu nhập cá nhân**	**994**	**458**	**2.500**	**2.500**	**2,52**	**5,46**
6	**Thuế bảo vệ môi trường**						
7	**Lệ phí trước bạ**	**2.973**	**86**	**5.100**	**5.100**	**1,72**	**59,30**
8	**Thu phí, lệ phí**	**570**	**570**	**600**	**290**	**1,05**	**0,51**
-	Phí và lệ phí trung ương			310			
-	Phí và lệ phí xã, phường	498	498	290	290	**0,58**	**0,58**
9	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**						
10	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	**3**	**2**				
11	**Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước**	**419**	**294**	**480**		**1,15**	
12	**Thu tiền sử dụng đất**	**418**	**251**	**2.000**		**4,78**	
13	**Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**						
14	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết**						
15	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**						
16	**Thu khác ngân sách**	**199**	**199**	**300**	**150**	**1,51**	**0,75**
-	Thu khác ngân sách Trung ương			150			
-	Thu khác ngân sách địa phương	199	199	150	150	**0,75**	**0,75**
17	**Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác**						
18	**Thu hồi vốn, thu cổ tức**						
19	**Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước**						
20	**Chênh lệch thu chi Ngân sách Nhà nước**						
II	**Thu từ dầu thô**						
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**						
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	**Thu viện trợ**						

PHỤ LỤC 3

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 9410/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**231.166**	**240.304**	**9.138**	**1,04**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**147.163**	**230.802**	**83.639**	**1,57**
I	**Chi đầu tư phát triển**		**34.148**	**34.148**	
1	Chi đầu tư cho các dự án		34.148	**34.148**	
-	Từ nguồn cân đối ngân sách		8.203	**8.203**	
-	Từ nguồn tăng thu tiền SDĐ		6.829	**6.829**	
-	Từ nguồn xổ số kiến thiết		19.116	**19.116**	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác (2)				
II	**Chi thường xuyên**	**147.163**	**192.128**	**44.965**	**1,31**
	Trong đó:				
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*114.689*	*124.533*	**9.844**	**1,09**
2	*Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*		*426*	**426**	
III	**Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay**				
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
V	**Dự phòng ngân sách**		**4.526**	**4.526**	
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**				
VII	**Chi từ thu chuyển nguồn năm trước sang**				
VIII	**Chi từ thu kết dư**				
IX	**Chi trả nợ gốc của NSĐP**				
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**84.003**	**9.502**	**-74.501**	**0,11**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**				
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**84.003**	**9.502**	**-74.501**	**0,11**
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu	84.003	9.502	**-74.501**	**0,11**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**				

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ PHÚ LỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Phú Lộc, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của xã Phú Lộc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHÚ LỘC
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ TƯ (KỲ HỌP THƯỜNG LỆ CUỐI NĂM 2025)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 270/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND thành phố Cần Thơ về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Xét Tờ trình số ..../TTr-UBND ngày .... tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của xã Phú Lộc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, ý kiến thảo luận và thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân xã Phú Lộc tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của xã Phú Lộc với nội dung như sau:

I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo chỉ tiêu giao 20.230.000.000 đồng, bao gồm:

1. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 9.250.000.000 đồng.

2. Thuế thu nhập cá nhân: 2.500.000.000 đồng.

3. Lệ phí trước bạ: 5.100.000.000 đồng.

4. Thu phí lệ phí: 600.000.000 đồng.

5. Thu tiền cho thuê đất: 480.000.000 đồng.

6. Thu tiền sử dụng đất: 2.000.000.000 đồng.

7. Thu khác ngân sách: 300.000.000 đồng.

II. Tổng thu ngân sách xã: 240.304.000.000 đồng.

1. Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp 10.290.000.000 đồng, bao gồm:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 2.250.000.000 đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.500.000.000 đồng.
- Lệ phí trước bạ: 5.100.000.000 đồng.
- Thu phí lệ phí: 290.000.000 đồng.
- Thu khác ngân sách: 150.000.000 đồng.

2. Thu bổ sung cân đối ngân sách: 177.632.000.000 đồng.

3. Thu bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương theo quy định hiện hành: 42.880.000.000 đồng.

4. Thu bổ sung theo mục tiêu: 9.502.000.000 đồng.

III. Tổng chi ngân sách xã: 240.304.000.000 đồng.

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 34.148.000.000 đồng.

2. Chi thường xuyên: 192.128.000.000 đồng.

3. Dự phòng ngân sách: 4.526.000.000 đồng.

4. Chi bổ sung theo mục tiêu: 9.502.000.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 1,2,3 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Phú Lộc khóa I, kỳ họp thứ Tư (Kỳ họp Thường lệ cuối năm 2025) thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND TP Cần Thơ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Thường trực UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Ủy viên UBND xã;
- Các ban HĐND xã;
- Đại biểu và tổ đại biểu HĐND xã;
- Cơ quan đơn vị có liên quan;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Chúc

PHỤ LỤC 1
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Phú Lộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-1	5=3/1*100
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**27.501**	**236.519**	**240.304**	**212.803**	**873,80**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**2.494**	**2.603**	**10.290**	**7.796**	**412,59**
1	Thu NSĐP hưởng 100%	660	769	440	-220	66,67
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.834	1.834	9.850	8.016	537,08
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**25.007**	**229.211**	**230.014**	**205.007**	**919,80**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	25.007	25.007	177.632	152.625	710,33
2	Thu bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương			42.880	42.880	
3	Thu bổ sung có mục tiêu		204.204	9.502	9.502	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**					
IV	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**2.641**			
V	**Thu kết dư**		**974**			
VI	**Thu khác**		**1.090**			
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**27.501**	**231.166**	**240.304**	212.803	873,80
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**27.501**	**147.163**	**230.802**	203.301	839,25
1	Chi đầu tư phát triển (1)			34.148	34.148	
2	Chi thường xuyên	26.962	147.163	192.128	165.166	712,59
3	Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng ngân sách	539		4.526	3.987	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**		**84.003**	**9.502**	9.502	
1	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG)**					
2	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**		**84.003**	**9.502**	9.502	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**					
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP**					
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**					
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp thành phố, cân đối ngân sách					
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**					
I	Vay để bù đắp bội chi					
II	Vay để trả nợ gốc					

PHỤ LỤC 2

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Phú Lộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	**7.926**	**3.694**	**20.230**	**10.290**	**2,55**	**2,79**
I	**Thu nội địa**	**7.926**	**3.694**	**20.230**	**10.290**	**2,55**	**2,79**
1	**Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý**						
2	**Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý**						
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**						
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**	**2.350**	**1.834**	**9.250**	**2.250**	**3,94**	**1,23**
-	Thuế giá trị gia tăng	2.350	1.834	7.100	2.100	**3,02**	**1,15**
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			2.150	150		
5	**Thuế thu nhập cá nhân**	**994**	**458**	**2.500**	**2.500**	**2,52**	**5,46**
6	**Thuế bảo vệ môi trường**						
7	**Lệ phí trước bạ**	**2.973**	**86**	**5.100**	**5.100**	**1,72**	**59,30**
8	**Thu phí, lệ phí**	**570**	**570**	**600**	**290**	**1,05**	**0,51**
-	Phí và lệ phí trung ương			310			
-	Phí và lệ phí xã, phường	498	498	290	290	**0,58**	**0,58**
9	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**						
10	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	**3**	**2**				
11	**Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước**	**419**	**294**	**480**		**1,15**	
12	**Thu tiền sử dụng đất**	**418**	**251**	**2.000**		**4,78**	
13	**Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**						
14	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết**						
15	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**						
16	**Thu khác ngân sách**	**199**	**199**	**300**	**150**	**1,51**	**0,75**
-	Thu khác ngân sách Trung ương			150			
-	Thu khác ngân sách địa phương	199	199	150	150	**0,75**	**0,75**
17	**Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác**						
18	**Thu hồi vốn, thu cổ tức**						
19	**Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước**						
20	**Chênh lệch thu chi Ngân sách Nhà nước**						
II	**Thu từ dầu thô**						
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**						
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	**Thu viện trợ**						

PHỤ LỤC 3
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Phú Lộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**231.166**	**240.304**	**9.138**	**1,04**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**147.163**	**230.802**	**83.639**	**1,57**
I	**Chi đầu tư phát triển**		**34.148**	**34.148**	
1	Chi đầu tư cho các dự án		34.148	**34.148**	
-	Từ nguồn cân đối ngân sách		8.203	**8.203**	
-	Từ nguồn tăng thu tiền SDĐ		6.829	**6.829**	
-	Từ nguồn xổ số kiến thiết		19.116	**19.116**	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác (2)				
II	**Chi thường xuyên**	**147.163**	**192.128**	**44.965**	**1,31**
	Trong đó:				
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*114.689*	*124.533*	**9.844**	**1,09**
2	*Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*		*426*	**426**	
III	**Chi trả nợ lãi, phí các khoản do chính quyền địa phương vay**				
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
V	**Dự phòng ngân sách**		**4.526**	**4.526**	
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**				
VII	**Chi từ thu chuyển nguồn năm trước sang**				
VIII	**Chi từ thu kết dư**				
IX	**Chi trả nợ gốc của NSĐP**				
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**84.003**	**9.502**	**-74.501**	**0,11**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**				
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**84.003**	**9.502**	**-74.501**	**0,11**
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu	84.003	9.502	**-74.501**	**0,11**
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**				